

## **Chương 2**

### **ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)**

#### **I. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC 1945-1954**

##### **1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng sau Cách mạng Tháng Tám**

###### **a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám**

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bên cạnh những thuận lợi, Đảng và nhân dân Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mới.

*Về thuận lợi:* Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển, trở thành một đồng minh cách mạng. Phong trào dân chủ và hòa bình cũng vươn lên mạnh mẽ.

Ở trong nước, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Chính quyền dân chủ nhân dân được kiến lập, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở. Địa vị của nhân dân thay đổi, từ thân phận của những người nô lệ mất nước, trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc. Lực lượng vũ trang ngày càng được tăng cường. Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

*Về khó khăn:* Trên thế giới, các nước lớn bắt tay, dàn xếp với nhau tiếp tục tấn công phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Chưa có nước nào ủng hộ lập trường

độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cách mạng ba nước Đông Dương phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức.

Nền kinh tế Việt Nam vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề lại thêm hậu quả của nạn đói năm 1945 do Nhật, Pháp gây ra chưa được khắc phục. Ruộng đất bị bỏ hoang, công nghiệp đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Kho bạc trống rỗng, chỉ có 1,2 triệu đồng, trong đó quá nửa là tiền rách, ngân hàng Đông Dương - ngân hàng duy nhất phát hành giấy bạc vẫn đang nằm trong tay tư bản Pháp. Bên cạnh đó, bọn Tưởng Giới Thạch tung tiền quan kim và quốc tệ vào Việt Nam, gây rối loạn thị trường.

*Văn hoá:* hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm cho 95% dân số mù chữ, các hủ tục lạc hậu, thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội mà chế độ cũ để lại còn nặng nề.

*Giặc ngoại xâm và nội phản:* Với danh nghĩa quân Đồng minh, quân đội các nước đế quốc ào ạt kéo vào chiếm đóng Việt Nam, khuyến khích Việt gian chống phá chính quyền cách mạng nhằm xóa bỏ nền độc lập và chia cắt lâu dài Việt Nam. Ở miền Bắc (từ vĩ tuyến 16 trở ra), gần 20 vạn quân Tưởng kéo vào, sau lưng chúng là bọn Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng và cướp bóc nhân dân Việt Nam. Ở Miền Nam (từ vĩ tuyến 16 trở vào), trên một vạn quân Anh cũng dưới danh nghĩa quân Đồng minh kéo vào mở đường cho thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Việt Nam. Ngày 2-9-1945, thực dân Pháp trắng trợn gây hấn, bắn vào cuộc mít tinh mừng ngày độc lập ở Sài Gòn. Ngày 23-9-1945 dưới sự yểm trợ của 2 sư đoàn thiết giáp Anh, Pháp đã nổ súng tấn công Sài Gòn - Chợ lớn, chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ 2. Ở Việt Nam lúc này còn khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp, một số quân Nhật theo lệnh của quân Anh, cầm súng dọn đường cho Pháp mở rộng vùng chiếm đóng miền Nam Việt Nam.

Nền độc lập của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng; vận mệnh chính quyền cách mạng như “ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và thù trong, giặc ngoài.

### **b. Xây dựng chế độ mới và bảo vệ chính quyền cách mạng**

Tình hình khó khăn trên đặt ra cho Đảng và nhân dân Việt Nam những nhiệm vụ nặng nề và cấp bách. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” vạch ra những chủ trương cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Nội dung Chỉ thị nêu rõ:

*Về chỉ đạo chiến lược,* cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”.

*Về xác định kẻ thù,* bản chỉ thị nêu rõ, kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược; mở rộng mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân, thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp xâm lược; kiên quyết giành độc lập tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

*Về nhiệm vụ,* bao gồm: củng cố chính quyền cách mạng, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Trong đó, nhiệm vụ củng cố chính quyền cách mạng là quan trọng nhất, bởi vì “giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền khó hơn”, đặc biệt trong bối cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”.

*Phương hướng, biện pháp cụ thể:*

*Về nội chính,* xúc tiến bầu cử Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức, lập hiến pháp, bài trừ nội phản và cải thiện đời sống nhân dân.

*Về quân sự*, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài.

*Về ngoại giao*, kiên trì nguyên tắc “bình đẳng tương trợ”, thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và “Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.

Những chủ trương trên đây của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đáp ứng những yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam; định hướng tư tưởng và trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, đưa đất nước vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

### ***c. Sự chỉ đạo của Đảng***

*Về chính trị*, ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ tổ chức Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức. Ngày 6-1-1946, cả nước đã tham gia Tổng tuyển cử với hơn 89% cử tri đi bỏ phiếu và bầu ra 333 đại biểu vào Quốc hội.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên, bầu ra Chính phủ chính thức gồm 10 bộ, kiện toàn bộ máy nhân sự do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 9-11-1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng nhằm tăng cường thực lực cách mạng. Tháng 5-1946, Hội liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập. Các đoàn thể quần chúng và các đảng phái dân chủ lần lượt ra đời như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (5-1946), Đảng Xã hội Việt Nam (7-1946), Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (10-1946).

*Về kinh tế*, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào lớn: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, lập hũ gạo tiết kiệm. Trên lĩnh vực tài chính, Đảng phát động Tuần lễ vàng, Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến... để xây dựng ngân quỹ quốc gia giải quyết những khó khăn về tài chính. Nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ được xóa bỏ, thực hiện chính sách giảm tô 25%; phát hành giấy bạc Việt Nam (1946)... Nhờ chính sách linh hoạt của chính phủ, đầu năm 1946 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ.

*Về văn hóa*, Đảng chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ” toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn đói; vận động nhân dân xây dựng đời sống mới, nền văn hóa mới, từng bước đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ cản trở tiến bộ... Đến cuối năm 1946 cả nước có thêm 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

*Về tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ*. Từ ngày 23-9-1945, Đảng và Chính phủ phát động phong trào Nam tiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư, khích lệ, động viên đồng bào Nam Bộ kháng chiến, tuyên dương và tặng nhân dân Nam Bộ danh hiệu “thành đồng Tổ quốc”.

*Về công tác bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ*, thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc”, tránh gây xung đột vũ trang với quân Tưởng. Ngày 11-11-1945, Đảng tuyên bố tự giải tán, nhưng thực ra là rút vào hoạt động bí mật để làm mất mục tiêu quấy rối của kẻ thù, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa: “Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ở Đông Dương”; Chính phủ Việt Nam chấp nhận cung cấp lương thực, thực phẩm, chỗ ăn ở cho 20 vạn quân Tưởng; tiêu tiền mất giá “quan kim”, “quốc tệ”; bỏ

sung 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt cách, Việt quốc; mở rộng thành phần Chính phủ liên hiệp với sự tham gia của nhiều nhân sĩ, trí thức, người không đảng phái và một số nhân vật tay sai của quân Tưởng.

Đầu năm 1946, do sự thỏa thuận, dàn xếp của phe đế quốc, Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc đã ký kết với nhau bản “Hiệp ước Trùng Khánh” (còn gọi là Hiệp ước Hoa-Pháp, ngày 28-2-1946), Chính quyền cách mạng Việt Nam đứng trước tình thế vô cùng khó khăn.

Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội, J.Xanhtony bản *Hiệp định sơ bộ*. Trong đó nêu rõ: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần về nước trong 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết quan hệ Việt - Pháp.

Ngày 9-3-1946, Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị *Hòa để tiến* phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn, khả năng phát triển của tình hình và nêu rõ cần nêu cao tinh thần cảnh giác, tích cực sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào.

Theo tinh thần của Hiệp định sơ bộ, từ ngày 19-4 đến 10-5-1946, đại diện Việt Nam và Pháp gặp nhau tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Từ ngày 31-5 đến 20-10-1946, theo lời mời của Quốc hội và Chính phủ Pháp, Hồ Chủ tịch dẫn đầu phái đoàn của Chính phủ Việt Nam thăm nước Pháp; phái đoàn Quốc hội Việt Nam do thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đàm phán chính thức với Pháp tại Hội nghị Phôngtenơblô (Paris - Pháp) từ ngày 6-7 đến 10-9-1946. Tuy nhiên, do thực dân Pháp vẫn giữ lập trường thực dân, nên các cuộc gặp gỡ, đàm phán đều không đạt kết quả tích cực. Vì vậy, để có thêm thời gian hòa bình, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, trước khi lên đường về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9 tại Mác-xây (Pháp), nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam, đồng thời hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán....

Ở trong nước, dưới sự chỉ đạo của cụ Huỳnh Thúc Kháng quyền Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sáng ngày 12-7-1946, lực lượng Công an đã khám xét bắt ngờ trụ sở của Quốc dân đảng ở số nhà 132 Duyvinh (nay là phố Bùi Thị Xuân - Hà Nội), khống chế bọn phản động có vũ trang, tổ chức khám xét và tịch thu được nhiều tài liệu phản động, kết thúc vụ án ở số 7 phố Ôn Như Hầu (nay là Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội). Thắng lợi này đã đập tan hoàn toàn mưu đồ thâm độc, lật đổ chính quyền cách mạng của bọn tay sai phản động câu kết với thực dân Pháp, giữ vững chính quyền cách mạng.

Ngày 20-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam từ Pháp về đến cảng Hải Phòng an toàn. Từ đây công cuộc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, điều mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiên liệu là không thể tránh khỏi.

## **2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)**

### **a. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng**

#### *Hoàn cảnh lịch sử*

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp tấn công đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do ở Nam Trung Bộ và

Nam Bộ, hậu thuẫn cho lực lượng phản động xúc tiến thành lập “Chính phủ Cộng hòa Nam kỳ” và triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương... Trong 2 ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính. Ngày 17-12, chúng bắn đại bác gây ra vụ thảm sát nhân dân Việt Nam ở phố Yên Ninh, Hàng Bún. Ngày 18-12, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp 3 tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp, phải phá bỏ công sự, chướng ngại vật trên đường phố Hà Nội, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự thành phố....

Trước tình hình đó, ngày 12-12-1946, Trung ương Đảng ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến. Ngày 18-12-1946, Hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông kịp thời đề ra chủ trương đối phó; quyết định phát động toàn dân kháng chiến. Ngày 19-12-1946 quân và dân ta và tất cả các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đồng loạt nổ súng chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Ngày 19-12-1946, Hồ Chủ tịch ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định quyết tâm kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Vào 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào Thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Tại thủ đô, cuộc chiến đấu diễn ra trên từng căn nhà, góc phố vô cùng ác liệt. Nhiều trận đánh giằng co, quyết liệt, một mất một còn giữa quân dân Hà Nội và Pháp ở Bắc Bộ phủ, Bưu điện Bờ Hồ, Chợ Đồng Xuân, Ga Hàng Cỏ, Ô Cầu Dền... với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

#### *Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng.*

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng như: *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc* (25-11-1945); *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* (12-12-1946); *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946); *Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh (8-1947). Về cơ bản nội dung đường lối kháng chiến đề cập đến các vấn đề sau:

*Mục tiêu của cuộc kháng chiến* là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn.

*Phương châm kháng chiến*, phát động chiến tranh nhân dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

*Kháng chiến toàn dân* là đem toàn bộ sức dân, động viên toàn dân, đoàn kết toàn dân tham gia cuộc kháng chiến “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi phố là một mặt trận”.

*Kháng chiến toàn diện* là kháng chiến trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ đánh địch bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa tư tưởng, trong đó quân sự là mặt trận hàng đầu.

*Kháng chiến lâu dài* là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong bối cảnh so sánh lực lượng ban đầu quá chênh lệch, không cân sức, đồng thời có thời gian, vật chất để chuyển hóa lực lượng nhỏ thành lớn, yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không phải là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước tiến nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

*Kháng chiến dựa vào sức mình là chính*, phải tự lập, tự cường, tự cấp, tự túc về mọi mặt; phải dựa vào nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn lực vật chất, tinh thần vốn có trong

nhân dân làm sức mạnh, chỗ dựa chủ yếu của cuộc chiến tranh, làm cơ sở để sử dụng và phát huy ngoại lực khi có điều kiện.

Đường lối kháng chiến của Đảng là ngọn cờ dẫn đường, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy cao nhất mọi nguồn lực, mọi nguồn sức mạnh để đánh thắng kẻ thù xâm lược, được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng và trở thành nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

### ***b. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950***

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Quốc hội rút về hoạt động tại các căn cứ ATK Việt Bắc an toàn, trực tiếp chỉ đạo cách mạng.

*Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội*, quan tâm đến phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Tiếp tục duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

*Về quân sự, triển khai thế trận chiến tranh nhân dân đánh bại hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp.*

Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc biên giới Việt - Trung từ Đình Lập (Móng Cái) đến thị xã Cao Bằng (Cao Bằng) (Chiến dịch Biên giới thu đông 1950) nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy cuộc kháng chiến lên giai đoạn mới.

*Trên mặt trận ngoại giao*, Đảng chủ trương tích cực tranh thủ và đặt quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Với Lào và Campuchia, Đảng, Nhà nước Việt Nam chủ trương “mở rộng mặt trận Lào - Miên” để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu.

## **3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)**

### ***a. Đại hội đại biểu lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)***

Để đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới, từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đảng triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ II tại thôn Chinh, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Ở trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia có nhiều chuyển biến tích cực.

Trên cơ sở đó, Đại hội quyết định mỗi nước Việt Nam, Lào và Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam [4]. Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; *Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội* của Trường Chinh; *Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng* của Lê Văn Lương...

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Việt Nam. Nội dung cơ bản của đường lối này phản ánh trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*, cụ thể:

*Tính chất của xã hội Việt Nam* có ba tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”. Cuộc kháng chiến là để giải quyết mâu thuẫn chủ yếu giữa tính chất dân chủ nhân dân và một phần thuộc địa.

*Đối tượng* của cách mạng Việt Nam có hai đối tượng: Đối tượng chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể là đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ, đối tượng phụ là bọn phong kiến mà cụ thể là phong kiến phản động.

*Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng* Việt Nam là “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”. Ba nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít với nhau, trong đó nhiệm vụ chính cần tập trung lực lượng giải quyết là chống xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc.

*Động lực của cách mạng* là giai cấp nông dân, công nhân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Ngoài ra còn có các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó nền tảng là công, nông và lao động trí óc, giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng.

Cách mạng Việt Nam trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc. Giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân. Giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau.

*Về triển vọng của cuộc cách mạng*, cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội Đảng lần thứ II là Đại hội “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”.

***b. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến về mọi mặt, kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến***

***Đẩy mạnh cuộc kháng chiến về mọi mặt***

Về quân sự, để đối phó và làm thất bại kế hoạch Đờ Lát Đờ Tátxinhi, Đảng chủ trương mở liên tiếp 3 chiến dịch tiến công quân sự quy mô lớn như: Trần Hưng Đạo (12-1950), Hoàng Hoa Thám (3-1951), Quang Trung (5-1951) đánh vào vùng chiếm đóng của địch ở một số địa bàn Trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện phát triển cuộc chiến tranh du kích vùng sau lưng địch. Tiếp đó, là các chiến dịch: Hòa Bình (12-1951), Tây Bắc - Thu đông (1952). Tháng 4-1953, phát huy thắng lợi của các chiến dịch quân sự trong nước, Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào (địa bàn 2 tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng), giải phóng thêm một phần đất đai, giúp Chính phủ kháng chiến Lào xây dựng và mở rộng khu căn cứ địa, đồng thời phá thế bố trí chiến lược của thực dân Pháp ở Bắc Đông Dương.

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ ra sức chăm lo phát triển lực lượng, củng cố và tăng cường sức mạnh của hậu phương kháng chiến. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Đảng, Chính phủ quan tâm chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng ngành thương nghiệp, ngân hàng. Các mặt văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng nếp sống mới cũng được phát triển và đạt được nhiều thành tựu... Đặc biệt từ đầu năm 1953, Đảng và Nhà nước đề ra nhiều chủ trương, chính sách thực hiện triệt để giảm tô và bước đầu thí điểm cải cách ruộng đất, thực hiện mục tiêu người cày có ruộng ở một số vùng nông thôn tự do...

Ngày 4-12-1953, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất. Ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh Luật cải cách ruộng đất. Thực

hiện chủ trương này, hàng ngàn héc-ta ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần, cố nông. Thắng lợi này đã làm nức lòng bộ đội nơi tiền tuyến, tăng thêm quyết tâm giết giặc lập công, góp phần tích cực động viên sức người, sức của cho Chiến dịch Điện Biên Phủ...

*Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1953-1954)*

Thắng lợi của các chiến dịch quân sự lớn trên chiến trường của quân và dân ta đã đẩy địch vào tình thế khó khăn, ngày càng nguy khốn. Giới quân sự Pháp tuyệt vọng, tìm mọi cách cố gắng đẩy mạnh chiến tranh hòng tìm một lối thoát trong danh dự.

Tháng 5-1953, Chính phủ Pháp quyết định cử Đại tướng H. Nava đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Tham mưu trưởng lực lượng quân khối NATO sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên là *Kế hoạch Nava* và được Hội đồng Quốc phòng Pháp nhanh chóng thông qua. Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng nhằm “chuyển bại thành thắng”. Đây được coi là cố gắng cao nhất của Pháp với sự giúp sức của Mỹ trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Với kế hoạch chiến lược này, trong quá trình thực hiện Nava đã dần biến Điện Biên Phủ - một địa danh vùng Tây Bắc Việt Nam thành một căn cứ quân sự mạnh nhất Đông Dương, được giới quân sự, chính trị Pháp - Mỹ đánh giá là một “pháo đài không thể công phá”, “một cỗ máy nghiền Việt Minh”.

Cuối tháng 9-1953, Hội nghị Bộ Chính trị họp và quyết định thông qua chủ trương tác chiến đông xuân 1953-1954 với phương châm “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”. Tháng 12-1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ để đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến kết thúc thắng lợi. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội được giao trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Quân ta đã tập trung 5 vạn quân với mọi nỗ lực cao nhất bao vây chặt Điện Biên Phủ. Để bảo đảm chắc thắng, Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã quyết đoán kịp thời chuyển hướng phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”. Ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu phía Bắc trung tâm Mường Thanh, mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra 3 đợt, từ ngày 13-3 đến ngày 7-5-1954, đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Đờ Cát-ô-ri chỉ huy trưởng và toàn bộ Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng sau 56 ngày đêm chiến đấu liên tục, kiên cường, thông minh, sáng tạo và vô cùng anh dũng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Không còn sự lựa chọn nào khác, Chính phủ Pháp cùng các nước Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc đồng ý triệu tập Hội nghị Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để bàn về lập lại hòa bình ở Đông Dương. Với thiện chí hòa bình, mong muốn chấm dứt chiến tranh, ngày 8-5-1954 phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham dự Hội nghị với tư thế của một dân tộc chiến thắng.

Sau 75 ngày đàm phán căng thẳng, gay go, phức tạp, trải qua 8 phiên họp toàn thể, 23 phiên họp hẹp và phải chịu nhiều tác động, áp lực khách quan, sức ép từ các nước lớn, nhưng với tinh thần chủ động, kiên trì đấu tranh, giữ vững nguyên tắc nhân nhượng có điều kiện, ngày 21-7-1954, Việt Nam đã chấp nhận ký kết bản Hiệp định Giơ-ne-vơ. Hội nghị đã thông qua bản tuyên bố cuối cùng về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên (riêng đại biểu Mỹ không ký nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định). Tinh thần cao nhất của bản Hiệp định là: Pháp và các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia gồm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh



thỏ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước; cam kết chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương...

Hiệp định Giơnevơ được ký kết là sự kiện lịch sử đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng (từ ngày 23-9-1945 đến 21-7-1954), lập lại nền hòa bình ở Đông Dương, mở ra trang sử mới của dân tộc Việt Nam.

#### **4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ**

##### *Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến*

Đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và chế độ phong kiến ở Việt Nam và trên bán đảo Đông Dương, là thắng lợi có ý nghĩa vô cùng to lớn, có tính lan tỏa rộng, mang tầm vóc thời đại sâu sắc.

Bảo vệ được thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, bảo đảm quyền lợi căn bản của người dân về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo ra tiền đề về chính trị - xã hội vững chắc để miền Bắc phát triển mạnh mẽ, trở thành hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, góp phần cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ của các dân tộc châu Á, Phi và Mỹ Latinh.

##### *Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến*

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến.

Ba là, Đảng đã đề ra và ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc chiến tranh phù hợp với đặc điểm từng giai đoạn cách mạng.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu của nhiệm vụ của cuộc kháng chiến.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến.

## **II. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1954-1975)**

### **1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc giai đoạn 1954-1964**

#### ***a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 - 1960)***

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7-1954), miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen.

*Về quốc tế, thuận lợi* là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nhất là Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La tinh tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các

nước tư bản. *Khó khăn* là đế quốc Mỹ có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng, chống lại hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc...

*Ở trong nước, thuận lợi* là lực lượng cách mạng Việt Nam đã lớn mạnh hơn sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Miền Bắc đã được giải phóng, trở thành căn cứ địa, hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam. Nhân dân có ý chí độc lập, thống nhất. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất là đất nước tạm thời bị chia làm hai miền, với hai chế độ chính trị khác nhau. Đế quốc Mỹ can thiệp vào miền Nam Việt Nam, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam. Miền Bắc với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề.

*Về chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường, chuẩn bị điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

*Hội nghị lần thứ 7 (3-1955) và lần thứ 8 (8-1955)* Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hắt cẳng Pháp ở miền Nam, lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai... điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam [10]. Hai Hội nghị đã thông qua kế hoạch 3 năm lần thứ nhất ở miền Bắc với nhiệm vụ cơ bản là khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh, hoàn thành cải cách ruộng đất, đồng thời chống làn sóng dân di cư vào Nam.

Ngày 10-10-1954, giải phóng tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Ngày 30-10-1954, tiếp quản thị xã Hải Dương, ngày 13-5-1955, tiếp quản thành phố Hải Phòng, ngày 16-5-1955, tên lính viễn chinh cuối cùng của Pháp rời đảo Cát Bà, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Mặc dù miền Bắc được giải phóng, song một số nội dung của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chưa hoàn thành. Vì vậy, nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và thực hiện khẩu hiệu “*Người cày có ruộng*” được Đảng chú trọng lãnh đạo thực hiện ngay khi miền Bắc có hòa bình.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (9-1956) đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong các năm 1956-1957 đã được Đảng chỉ đạo, tiến hành một cách thành khẩn, kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ nên đã từng bước khắc phục được những sai lầm đã xảy ra [11].

Hội nghị lần thứ 14 (11-1958) đã thông qua kế hoạch 3 năm lần thứ hai với nhiệm vụ trọng tâm: *phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa* đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và Nghị quyết về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

*Ở miền Nam*, ngay khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, với mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới, tạo thành “con đê” ngăn chặn làn sóng chủ nghĩa

xã hội tràn xuống Đông Nam Á, làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc, đế quốc Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, tiến hành “trung cầu dân ý” ở miền Nam, dùng bạo lực phản cách mạng đàn áp, khủng bố dã man nhân dân yêu nước miền Nam.

Chính quyền Sài Gòn tay sai đã ráo riết thi hành quốc sách “tổ cộng, diệt cộng”, lập “khu trù mật”, “khu dinh điền” nhằm bắt bớ, trả thù những người yêu nước, đàn áp phong trào đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ, gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 khóa II (15 đến 17-7-1954), Đảng nhận định kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương là đế quốc Mỹ. Nghị quyết Bộ Chính trị (9-1954) xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư. Tháng 8-1956, Lê Duẩn đã dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*, nêu rõ: chế độ thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến. Do đó, để chống đế quốc Mỹ và tay sai, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có con đường nào khác.

Từ năm 1958, kẻ địch đẩy mạnh khủng bố, mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mỹ và tay sai ngày càng gay gắt. Tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã họp về cách mạng miền Nam với tinh thần là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Đảng và sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Bắc đã mở đường chi viện cho cách mạng miền Nam với hai tuyến đường vận tải Hồ Chí Minh cả trên bộ (559, 19-5-1959), trên biển (759, 23-10-1961). Ngày 17-1-1960, phong trào Đồng Khởi chính thức được phát động, mở đầu ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre) do Nguyễn Thị Định lãnh đạo, sau đó lan nhanh ra các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long, Tây Nguyên, các tỉnh Nam Bộ... vùng giải phóng mở rộng trên phạm vi rộng lớn nối liền từ Tây Nguyên sang miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V.

Ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập tại xã Tân Lập (Tây Ninh) do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch, trở thành một tổ chức chính trị - xã hội đầu tiên của nhân dân miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn. Nghị quyết đã phản ánh và đáp ứng đúng nhu cầu của lịch sử, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, thể hiện rõ bản lĩnh cách mạng độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng trong những thời điểm khó khăn của cuộc kháng chiến.

#### ***b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1960-1965)***

Tháng 9-1960, Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà” [14]. Đại hội đã thảo luận và thông qua:

*Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam*, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm trong nước, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội

chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

*Về mục tiêu chiến lược chung*, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

*Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng* mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

*Về hòa bình thống nhất Tổ quốc*, giữ vững đường lối hòa bình thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

*Về triển vọng của cách mạng*, cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là một quá trình đấu tranh gian khổ, phức tạp, lâu dài song nhất định thắng lợi.

*Về xây dựng chủ nghĩa xã hội*, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa.

*Về đường lối chung* là đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước và lao động cần cù, tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, đưa Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Đại hội lần thứ III của Đảng đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Trong bối cảnh phức tạp của Việt Nam và quốc tế, đường lối chung của Đại hội thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), nhiều hội nghị chuyên đề nhằm cụ thể hóa đường lối, đưa nghị quyết của Đại hội Đảng vào thực tiễn đã được tổ chức như: Đảng phát động, tổ chức nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua sôi nổi trong nhân dân ở các ngành và các địa phương. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã *Đại Phong* (Lê Thủy, Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí *Duyên Hải* (Kiến An, Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp *Thành Công* (Nga Sơn, Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II *Bắc Lý* (Lý Nhân, Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "*Ba nhất*" (cao nhất, nhanh nhất, đều nhất),... Nhất là phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt" theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh tại *Hội nghị chính trị đặc biệt* tháng 3-1964.

Đánh giá chung về thời kỳ này, Hồ Chí Minh cho rằng: qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, "miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới" [16]. Đó là những cơ sở để Đảng phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ trên cả nước, nêu cao khẩu hiệu "*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*".

#### *Đảng lãnh đạo đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" từ 1-1961 đến 5-1965*

Ngày 20-1-1961, J.Kennedy lên làm Tổng thống Hoa Kỳ, thông qua chiến lược toàn cầu mới của Mỹ với tên gọi "Phản ứng linh hoạt". Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (Special War Strategy) là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt". Với công thức: cố vấn Mỹ, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai thực hiện bình định miền Nam trong vòng 18 tháng với Kế hoạch Staley -Taylor (1961-1963). Xương sống của kế hoạch này là quốc sách lập ấp chiến lược với chiến thuật "trực thăng vận" và "thiết xa vận". Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa dự định lập 17.000 ấp chiến lược, thực hiện "tát nước, bắt cá", tách nhân dân ra khỏi lực lượng cách mạng, bình định nông thôn miền Nam.

Trước tình hình đó, tháng 1-1961 và tháng 2-1962, các Hội nghị của Bộ Chính trị đã phân tích, đánh giá tình hình và ra chỉ thị về "*Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*", quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng. Để tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, do Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng, quân và dân miền Nam đã chiến đấu và lập chiến công ở Ấp Bắc (2-1-1963). Chiến thắng Ấp Bắc thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963. Nội bộ chính quyền Sài Gòn rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Ngày 1-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính đã lật đổ chính quyền Sài Gòn do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự lật đổ lẫn nhau trong nội bộ. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (từ năm

1961 đến giữa năm 1965), lực lượng cách mạng đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

## **2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975**

### **a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng**

Nhằm cứu vãn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (Local War Strategy), ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam, đồng thời mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc Việt Nam, tạo ra tình thế cả nước có chiến tranh.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) đề ra đường lối cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong giai đoạn mới, gồm các nội dung sau:

*Nhận định tình hình:* Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ tiến hành ở miền Nam vẫn là chiến tranh xâm lược kiểu mới nhưng được đề ra trên thế thua, bị động nên chứa nhiều mâu thuẫn về chiến lược. Vì vậy, dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh và chư hầu, nhưng so sánh lực lượng trên cả thế và lực vẫn không thay đổi lớn.

*Quyết tâm và mục tiêu chiến lược:* kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

*Phương châm chiến lược:* đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cố gắng đến mức cao độ, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

*Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam:* giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược.

*Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc:* chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng Chiến tranh cục bộ ra cả nước.

*Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền:* miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 đã thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc trong tình hình mới.

### **b. Xây dựng hậu phương chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ (1965-1968)**

*Ở miền Bắc*

Từ ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ”, đế quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá rất ác liệt miền Bắc Việt Nam. Đầu tháng 2-1965, đế quốc Mỹ đã trút hàng triệu tấn bom đạn, tàn phá, hủy hoại nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, xóm làng, nhiều công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nhiều bệnh viện, trường học, nhà ở, dân thường bị giết hại.

Trước tình hình đó, ngày 17-7-1966 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Lời kêu gọi cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong đó nêu rõ: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [17].

Dưới ánh sáng của những Nghị quyết của Đảng, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”, nông dân có phong trào “Tay cày tay súng”, công nhân có phong trào “Tay búa, tay súng”, trong chiến đấu có tinh thần “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”, trong chi viện tiền tuyến có “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, trong bảo đảm giao thông vận tải có khẩu hiệu hành động “Xe chưa qua, nhà không tiếc”,... Đó thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hào hùng, sáng tạo với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc (từ Nghệ An vào Vĩnh Linh) và ngày 1-11-1968, chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Sau bốn năm vừa sản xuất vừa chiến đấu, miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam, góp phần cùng quân dân miền Nam đánh bại cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

#### *Ở miền Nam*

Mùa khô 1965-1966, Mỹ huy động 70 vạn quân trong đó có 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc hành quân chiến lược lần thứ nhất vào: Tây Nguyên, đồng bằng khu V, miền Đông Nam Bộ nhằm thực hiện tìm diệt quân giải phóng, giành quyền chủ động trên chiến trường, bình định các vùng nông thôn, đồng bằng quan trọng. Những thắng lợi ở Núi Thành (3-1965), Vạn Tường (8-1965), Plâyme (11-1965), Đất Cuốc, Bàu Bàng (11-1965)... góp phần bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, làm thất bại kế hoạch tìm diệt và bình định của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Mùa khô 1966-1967, mặc dù, Mỹ và chính quyền Sài Gòn huy động lực lượng hùng hậu (39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn quân chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng máy bay, xe tăng...) nhưng nhân dân miền Nam Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Trung ương cục miền Nam bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích từng bước bẻ gãy tất cả các cuộc hành quân của địch khiến chúng bị tổn thất nặng nề, và phải chuyển sang sách lược phòng ngự, co cụm quân cố thủ trong suốt mùa mưa năm 1967.

Cuối năm 1967, “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ được đẩy đến đỉnh cao, nhưng đế quốc Mỹ không thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đặt ra, tình hình nước Mỹ bất ổn, phong trào phản chiến tăng cao. Trên cơ sở đó, ngày 28-1-1967, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bè bạn, mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp bàn về chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định và đưa ra chủ trương: Tiến hành tổng công

kích - tổng khởi nghĩa, đưa chiến tranh về đô thị, nơi được coi là căn cứ và hậu phương vững chắc của Mỹ và chính quyền Sài Gòn; mở những đòn tiến công quân sự dồn dập, kết hợp với nổi dậy đồng loạt của quần chúng ngay tại địa bàn chiến lược của chúng.

Đêm 30, rạng ngày 31-1-1968, tổng công kích, tổng khởi nghĩa đồng loạt diễn ra, trọng điểm là các đô thị ở Sài Gòn - Gia Định, Huế. Quân và dân ta liên tiếp mở ba đợt tiến công vào 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ, hầu hết các cơ quan đầu não của địch ở trung ương và địa phương, căn cứ quân sự Mỹ, và làm chủ nhiều đô thị, trung tâm lớn.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân là đòn tiến công bất ngờ đánh vào hang ổ của kẻ thù, góp phần quyết định làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán Pari từ ngày 13-5-1968. Đến tháng 1-1969, đế quốc Mỹ chấp nhận cuộc đàm phán tại Pari với sự tham dự của bốn bên: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Việt Nam Cộng hòa và Mỹ.

***c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975)***

***Ở miền Bắc***

Tranh thủ thời gian Mỹ ngừng ném bom phá hoại miền Bắc, từ tháng 11-1968, Đảng lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục công cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường chi viện cho miền Nam.

Sau ba năm (1969-1972), tình hình khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều chuyển biến tốt đẹp trên các mặt: nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, lưu thông phân phối, văn hóa, giáo dục, quốc phòng. Đó là cơ sở để miền Bắc chi viện cho tiền tuyến miền Nam, hỗ trợ đặc lực cho cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, góp phần tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam.

Từ tháng 4-1972, đế quốc Mỹ rải thảm bom bằng pháo đài bay B.52 tại Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương, trung tâm kinh tế - chính trị ở miền Bắc trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 30-12-1972). Quân dân miền Bắc đã bình tĩnh, sáng tạo vừa sản xuất vừa chiến đấu, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, Đảng lãnh đạo nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng lực lượng mọi mặt, ra sức chi viện cho miền Nam. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường.

***Ở miền Nam***

Đầu năm 1969, Nixon trúng cử Tổng thống, cho ra đời học thuyết mang tên mình: “Học thuyết Nixon”, dựa trên ba nguyên tắc “trụ cột” là: cùng chia sẻ; sức mạnh của Mỹ và sẵn sàng thương lượng. Trong đó đưa ra 2 chiến lược chiến tranh áp dụng ở Việt Nam và Đông Dương đó là Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh.

“Việt Nam hóa chiến tranh” là một loại chiến tranh rất thâm độc của Mỹ nhằm “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam”, tiếp tục chiến tranh xâm lược thực dân mới ở miền Nam. Thực hiện chiến lược này, Mỹ tăng cường viện trợ, xây dựng quân đội Sài Gòn về mọi mặt; tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm chặn đứng sự chi viện cho miền Nam; đồng thời Mỹ tìm mọi cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu của Việt Nam.



Trước những âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của địch, tháng 4-1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về: “tình hình và nhiệm vụ trước mắt” nhấn mạnh tiếp tục đẩy mạnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa, phát triển chiến lược tiến công một cách liên tục toàn diện và mạnh mẽ. Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) kiểm điểm những khuyết điểm từ mùa xuân năm 1968 và đưa ra chủ trương chuyển hướng tiến công, lấy nông thôn làm hướng chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch.

Năm 1971, quân và dân ta phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đánh vào đường 9 Nam Lào, phá tan âm mưu cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh - con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia.

Những thắng lợi trên tạo điều kiện thuận lợi để mở cuộc tấn công chiến lược năm 1972. Chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân ta đã phá vỡ ba tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch tại các địa bàn xung yếu Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Trên mặt trận ngoại giao, sau 4 năm 8 tháng 14 ngày, với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc họp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1000 cuộc phỏng vấn... Ngày 27-1-1973, hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” được ký kết. Điều 1 của Hiệp định ghi rõ: Hoa Kỳ và các nước khác cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam; Hoa Kỳ phải hoàn toàn chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Rút hết quân đội của Mỹ và của các nước khác, cố vấn và nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh, hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự; Tôn trọng quyền tự quyết và bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam...

Mặc dù, Hiệp định Pari được ký kết nhưng miền Nam vẫn chưa có hoà bình, chính quyền tay sai ngang nhiên tiến hành nhiều hành động khủng bố trong vùng tạm bị chiếm và lấn chiếm vùng giải phóng. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) nêu rõ: con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công, thực hiện nhiệm vụ giành dân, giành đất, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng để chuẩn bị tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là tranh thủ, bất ngờ cao độ, đảm bảo thắng lợi giòn giã, ngày 10-3-1975, quân và dân ta nổ súng tấn công thị xã Buôn Ma Thuột, mở màn cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 và giành thắng lợi. Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị đã quyết định: giải phóng miền Nam trong năm 1975. Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên, ngày 21-3-1975, chiến dịch tiến công Huế bắt đầu. Ngày 26-3, thành phố Huế được giải phóng. Ngày 26-3, chiến dịch tiến công giải phóng thành phố Đà Nẵng bắt đầu. Ngày 29-3, Đà Nẵng được giải phóng. Cách mạng miền Nam phát triển với nhịp độ “một ngày bằng 20 năm”.

Ngày 26-4-1975, trận đánh lịch sử mang tên: Chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn. Đúng 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh. Sài Gòn được giải phóng. Ngày 2-5-1975, cuộc chiến đấu giải phóng các địa phương còn lại ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo, quần đảo ở Biển Đông đã kết thúc thắng lợi.

Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra trong 55 ngày đêm đánh dấu sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân Việt Nam, kết thúc vẻ vang 30 năm đấu tranh kiên cường chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, mở ra thời kỳ mới cho lịch sử Việt Nam.

### 3. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm của Đảng thời kỳ 1954-1975

#### *Ý nghĩa lịch sử*

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên hòa bình, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh vật chất và tinh thần, thể và lực cho cách mạng Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và để lại những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đã góp phần đẩy lùi và làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, tác động đến nội tình nước Mỹ, đồng thời cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới. Đại hội lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã khẳng định: *“Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc”* [18]. Đây là “sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam”.

*Nguyên nhân thắng lợi:* cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi trước hết là nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo; là thắng lợi của cuộc chiến đấu hy sinh, gian khổ, ngoan cường, bền bỉ, anh dũng của quân và dân cả nước; là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Miền Bắc vừa hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn, vừa đảm bảo chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược; có sự đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương, với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của nhân dân Liên Xô và Trung Quốc cùng các nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng, dân chủ, hoà bình trên thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ.

#### *Kinh nghiệm*

*Một là,* gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

*Hai là,* Đảng có phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo. Đó là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng với sự kết hợp của lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; bắt đầu từ khởi nghĩa từng phần ở nông thôn phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao; kết hợp nổi dậy, tiến công và đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược, bằng 3 mũi giáp công; kết hợp lực lượng 3 thứ quân...

*Ba là,* sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn, kịp thời của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng bộ các cấp.

*Bốn là,* Đảng hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.

### CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Khái quát những khó khăn của nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

Câu 2: Nội dung cơ bản của Chính cương Đảng lao động Việt Nam.

Câu 3: Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25-11-1945) xác định nhiệm vụ và giải pháp của cách

mạng Việt Nam thời kỳ này như thế nào?

Câu 4: Nêu nội dung đường lối chung của cách mạng Việt Nam, vai trò, vị trí, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng mỗi miền được đề ra tại Đại hội III (9/1960).

Câu 5: Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên cả nước thể hiện qua nội dung HNTW 11 và 12 của Đảng.